

SỐ: T8/2026



BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

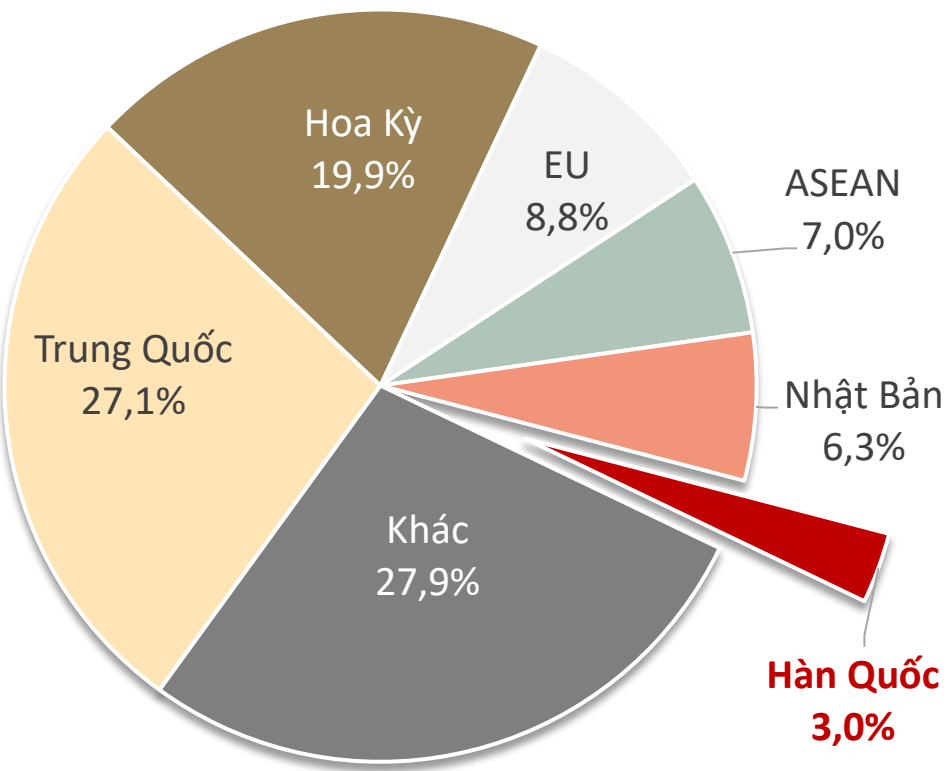


Thực hiện bởi: **AGREINFOS**



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC THÁNG 7/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



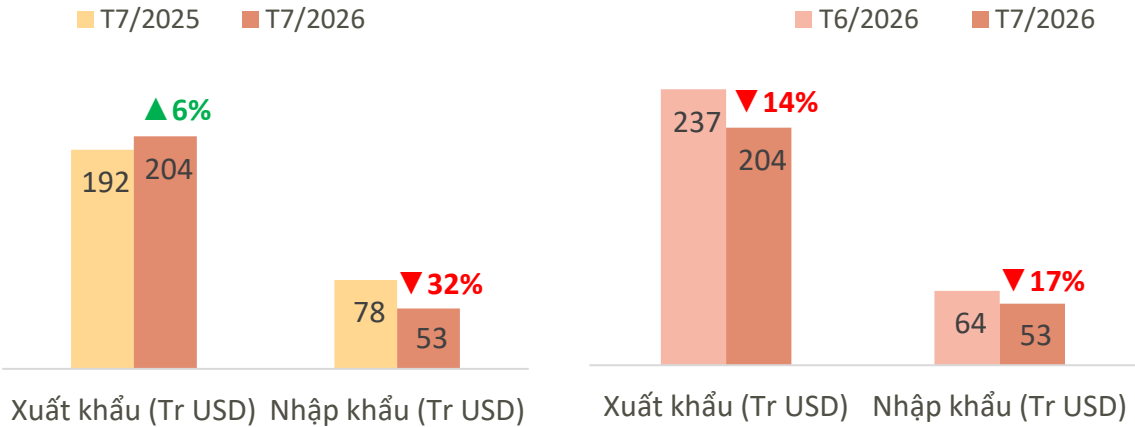
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS thị trường Hàn Quốc, T7/2026 so với T6/2026 và T7/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T6/2026	So với T7/2025
Trung Quốc	1.815	▲ 1,9%	▲ 4,3%
Hoa Kỳ	1.337	▲ 0,5%	▼ 0,6%
EU	588	▲ 0,5%	▼ 0,4%
ASEAN	467	▼ 2,1%	▼ 1,6%
Nhật Bản	425	▼ 0,5%	▼ 0,3%
Hàn Quốc	204	▼ 0,6%	▼ 0,2%
Tổng giá trị XK NLTS (triệu USD)			6.706

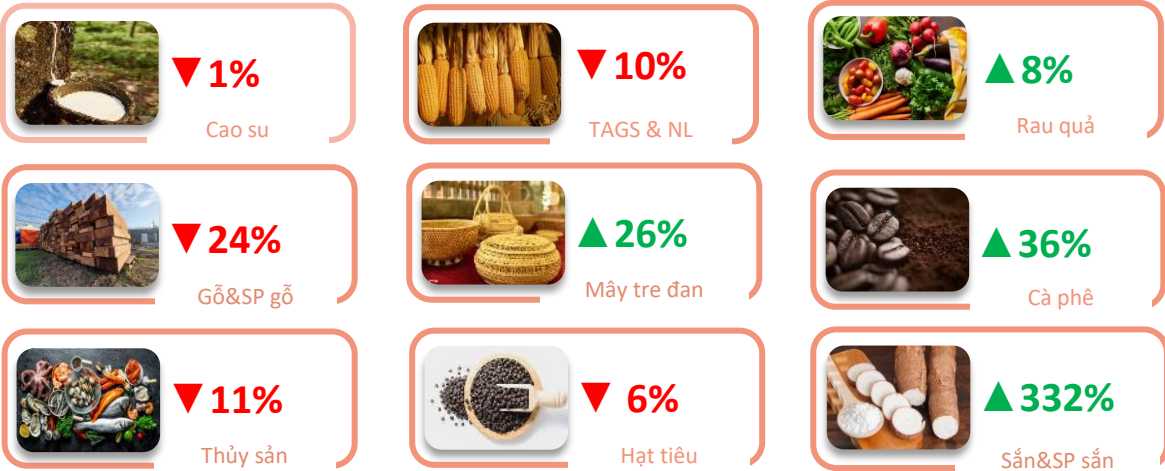
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC THÁNG 6/2026

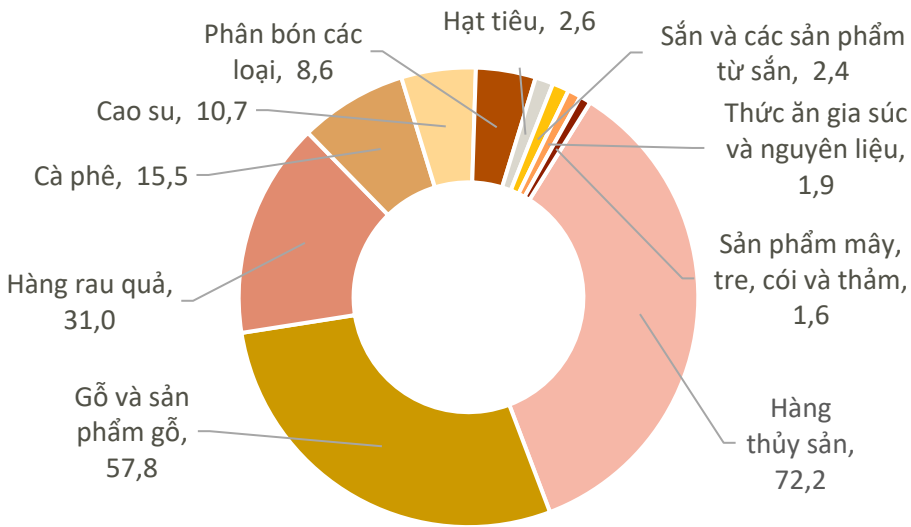
Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS VN– Hàn Quốc T7/2026



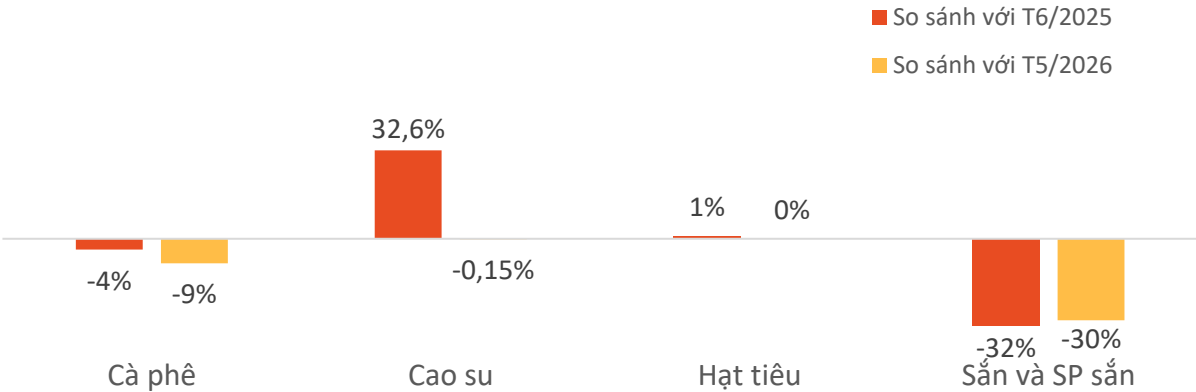
Biến động giá trị xuất khẩu NLTS chính sang Hàn Quốc T7/2026 so với T6/2026



Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính sang Hàn Quốc T7/2026



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang Hàn Quốc T7/2026 so với T6/2026 và T7/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Đơn vị: Triệu USD



Hàn Quốc cân nhắc tiếp tục tăng lãi suất khi kinh tế phục hồi

Đồng Won phục hồi và lạm phát tiêu dùng hạ nhiệt khiến Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) cân nhắc tiếp tục tăng lãi suất ngay trong tháng 8. Tỷ giá won/USD duy trì dưới 1.400 won/USD, trong khi CPI tháng 7 tăng 2,8%, thấp hơn mức 3,1% của tháng 5 và 3,2% của tháng 6. Tuy nhiên, khả năng tăng lãi suất vẫn chưa được loại trừ do kinh tế Hàn Quốc phục hồi tích cực, đặc biệt nhờ xuất khẩu bán dẫn, trong khi lạm phát cơ bản vẫn ở mức 2,6%, cao hơn mục tiêu. Vì vậy, BoK sẽ phải cân nhắc giữa áp lực lạm phát giảm và tăng trưởng xuất khẩu tại cuộc họp chính sách ngày 27/8.

Nguồn: vietstock.vn

Xuất khẩu Hàn Quốc tháng 8 được dự báo tăng 62,6% nhờ nhu cầu chip AI

Xuất khẩu Hàn Quốc tháng 8/2026 được dự báo tăng 62,6% so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu 15 tháng tăng liên tiếp. Tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu cao đối với chất bán dẫn phục vụ AI và trung tâm dữ liệu, qua đó hỗ trợ các doanh nghiệp lớn như Samsung Electronics và SK hynix.

Trong cùng kỳ, nhập khẩu dự kiến tăng 24,7%, trong khi thặng dư thương mại đạt khoảng 30,74 tỷ USD. Tuy nhiên, tốc độ tăng xuất khẩu chung có thể chậm lại trong thời gian tới do ảnh hưởng của các cuộc đình công, đặc biệt là xuất khẩu ô tô.

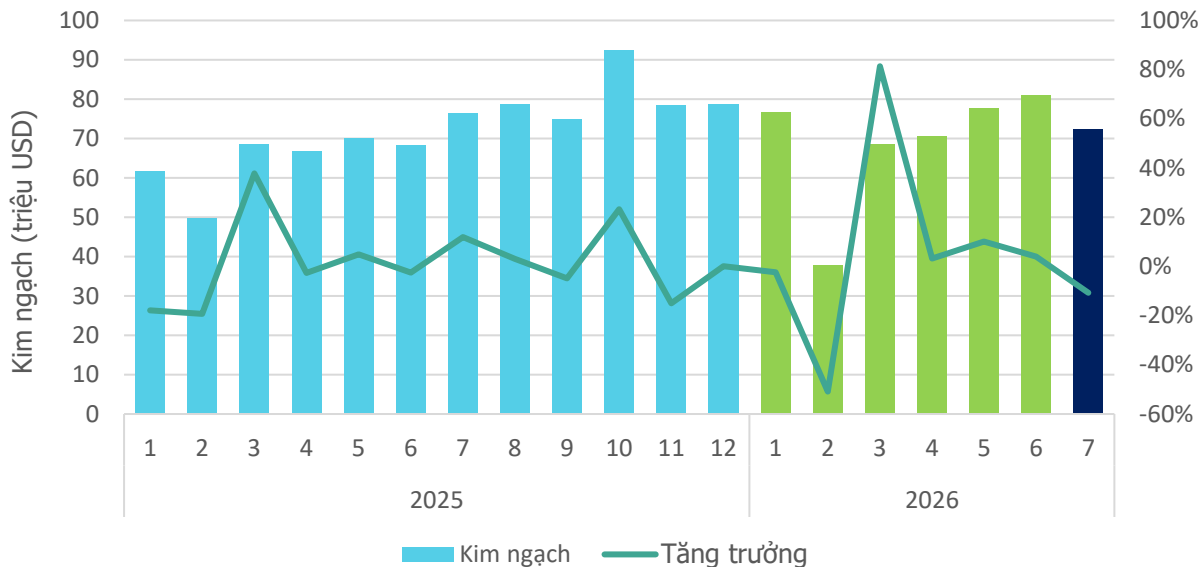
Nguồn: baotintuc.vn



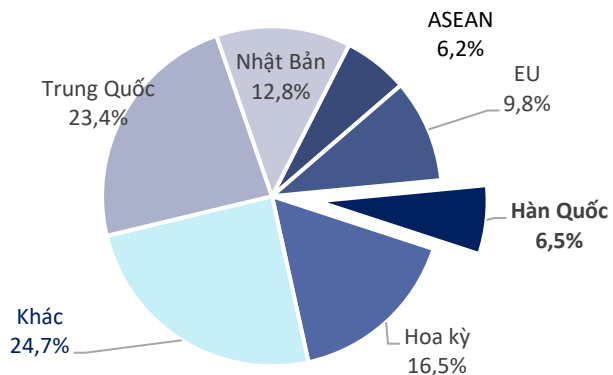


THỦY SẢN

Giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

\$
72,2
triệu USD

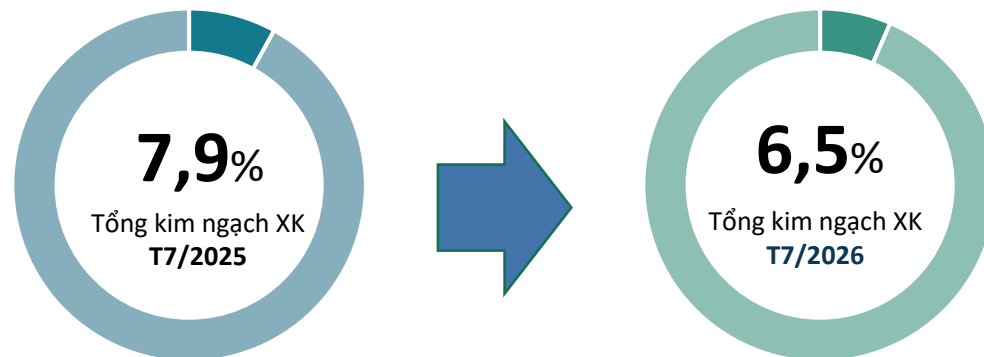
↘ Giảm **11%** so với T6/2026

↘ Giảm **5%** so với T7/2025

▲ Cao hơn **0,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

» Lũy kế 7 tháng 2026 đạt **484,1** triệu USD, đạt **56%** kim ngạch 2025

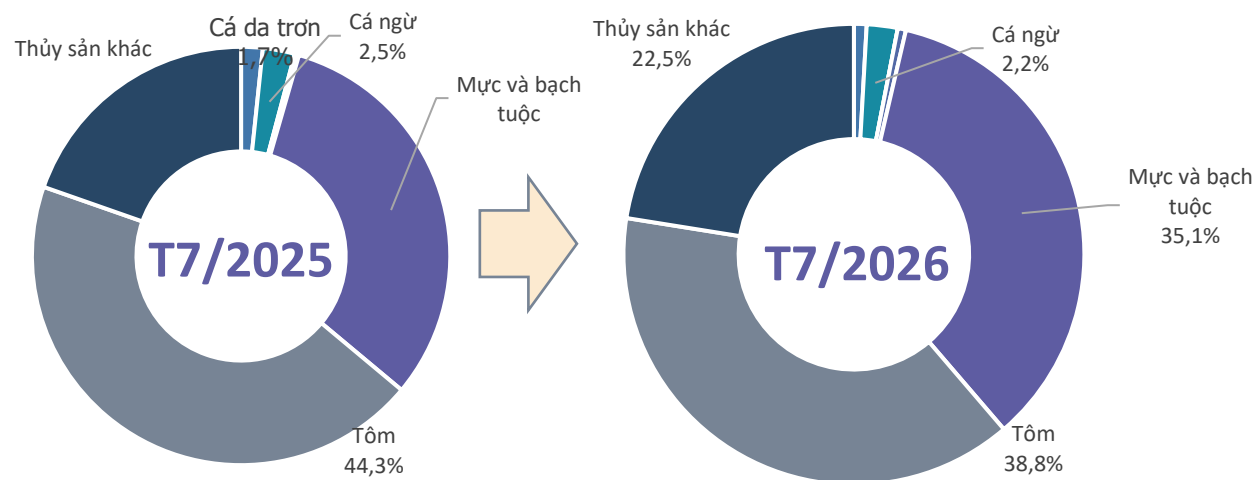
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tôm

Kim ngạch: **28,0** Triệu USD

Giảm **17%** so với T6/2026

Giảm **15%** so với T7/2025



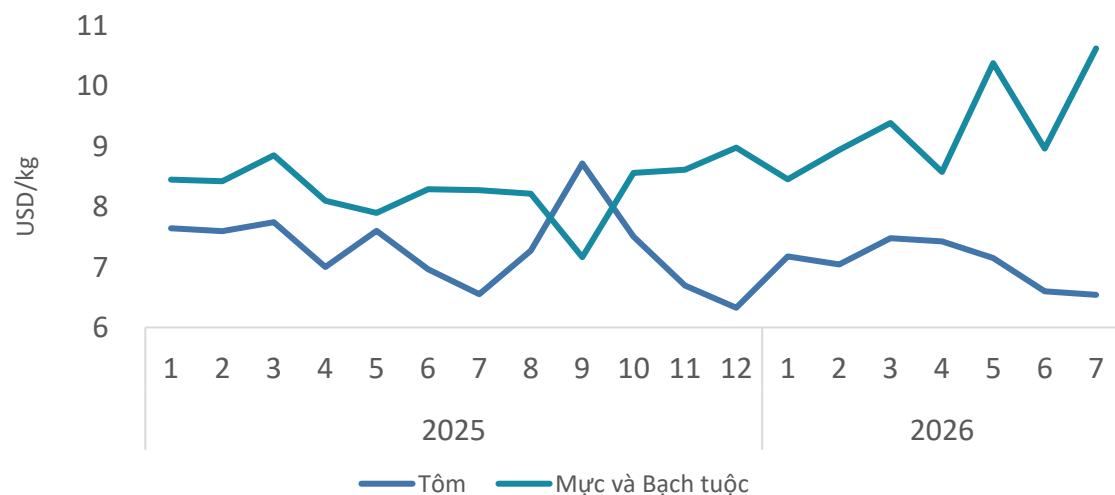
Mực và Bạch tuộc

Kim ngạch: **25,3** Triệu USD

Giảm **11%** so với T6/2026

Tăng **7%** so với T7/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **6,5** USD/kg; giảm **0,9%** so với tháng trước; và giảm **0,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

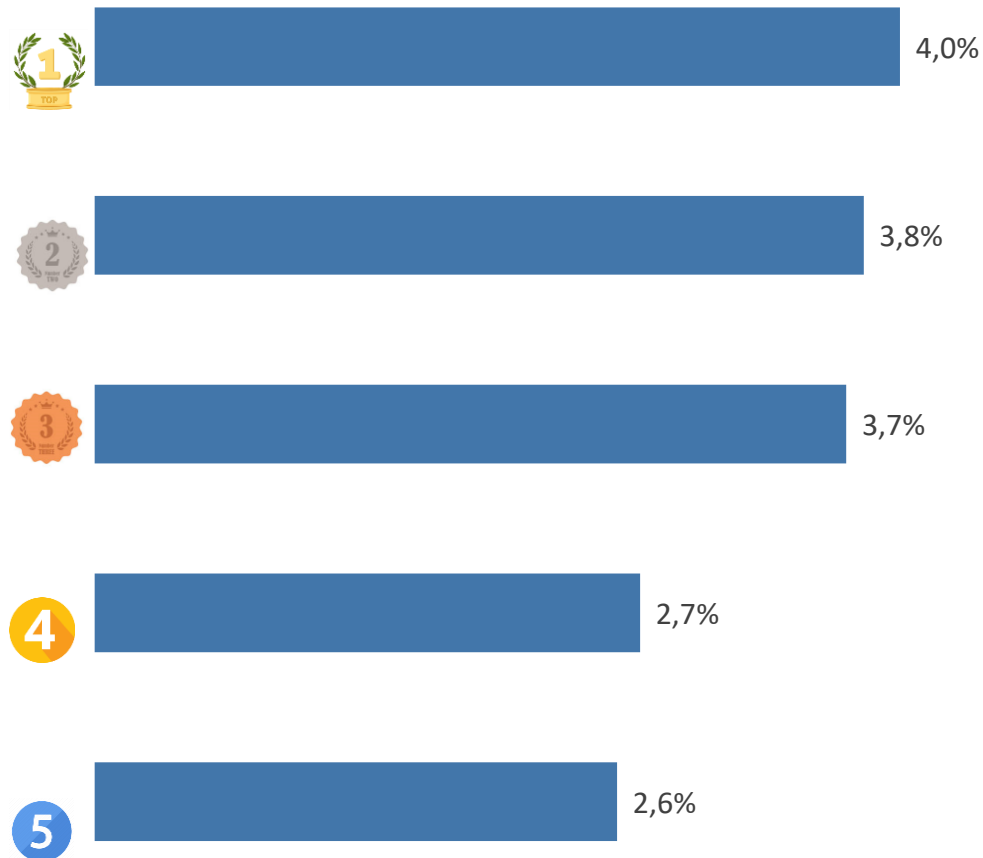
Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **10,6** USD/kg tăng **19%** so với tháng trước; tăng **28%** so với cùng kỳ năm 2025.

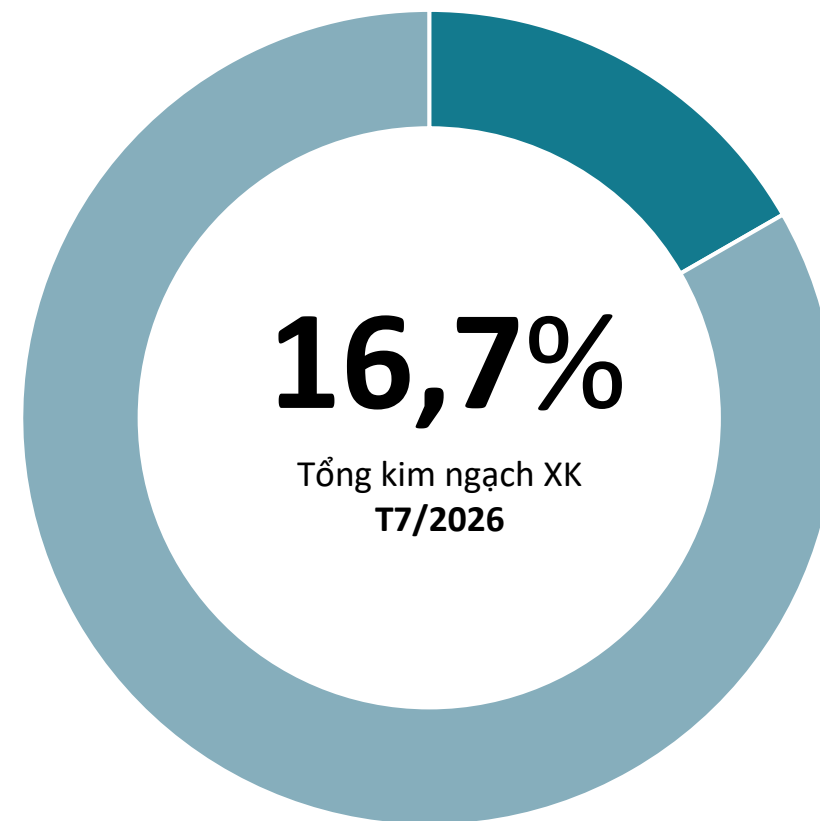


THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu, T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu, T7/2026



Chi phí nhiên liệu đẩy giá thủy sản tại Hàn Quốc tăng

Tại Hàn Quốc, giá một số mặt hàng thủy sản nhập khẩu đang tăng do chi phí nhiên liệu của đội tàu khai thác xa bờ tăng mạnh. Cuối tháng 7/2026, giá mực ống đông lạnh cỡ trung đạt 5.482 won/con, cao hơn 22,4% so với mức trung bình 5 năm; giá cá minh thái Alaska đông lạnh đạt 2.833 won/con, tăng 15,2%.

Theo Hiệp hội Thủy sản Viễn dương Hàn Quốc (KOSFA), nhiên liệu chiếm khoảng 30–35% chi phí vận hành tàu khai thác xa bờ, nhưng có thể tăng lên 50–60% khi giá năng lượng cao. Tác động của chi phí nhiên liệu thường có độ trễ do quá trình khai thác, bảo quản, vận chuyển và phân phối kéo dài.

Chi phí nguyên liệu tăng cũng tác động đến ngành chế biến, khiến một số doanh nghiệp nâng giá cá ngừ đóng hộp khoảng 10% và cá mòi, cá thu đóng hộp khoảng 20%. Diễn biến giá thời gian tới sẽ tiếp tục phụ thuộc vào giá dầu, tỷ giá, sản lượng khai thác và nguồn cung tại các ngư trường lớn.

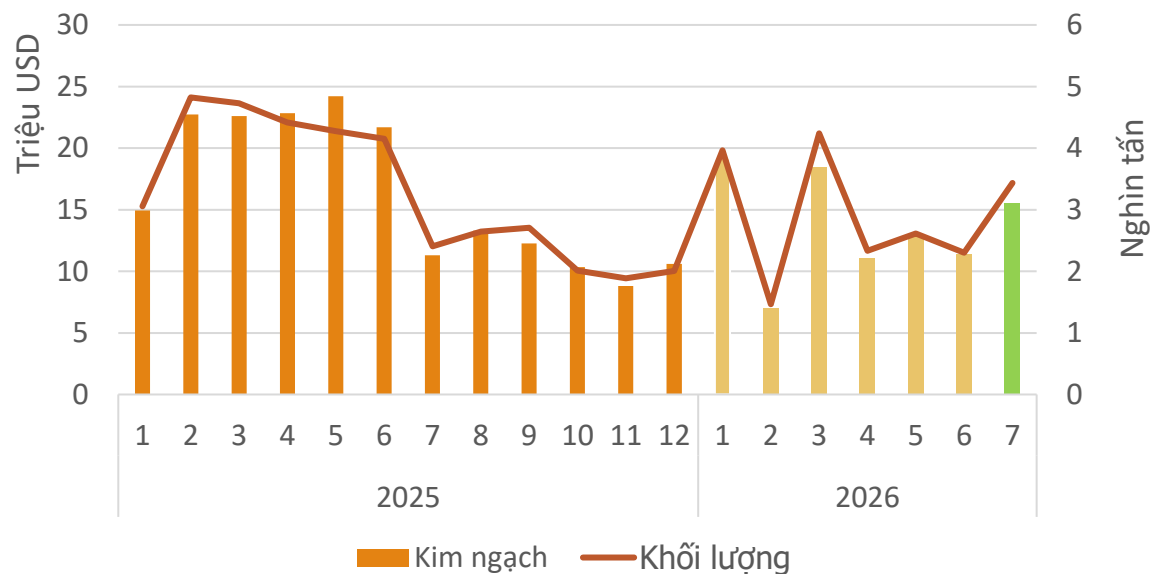
Nguồn: Vasep



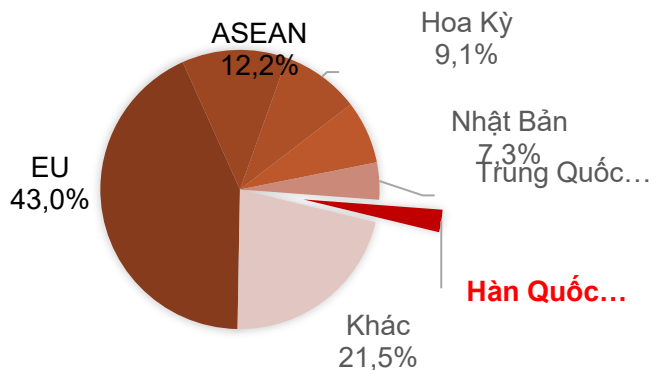


CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Nguồn: Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH
15,5 triệu USD

➔ Tăng **36%** so với T6/2026

➔ Tăng **37%** so với T7/2025

⚠ Thấp hơn **0,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Lũy kế 7 tháng năm 2026 đạt **95,5** tr.USD, đạt **49%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG
3,4 nghìn tấn

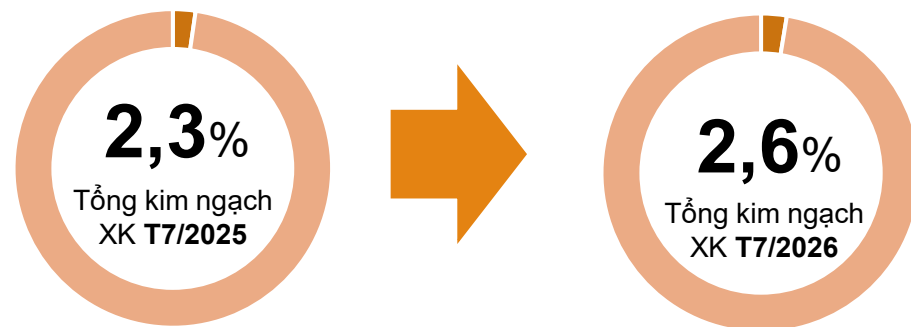
➔ Tăng **49%** so với T6/2026

➔ Tăng **43%** so với T7/2025

➔ Cao hơn **0,2 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Lũy kế 7 tháng năm 2026 đạt **20,4** nghìn tấn, đạt **52%** lượng năm 2025.

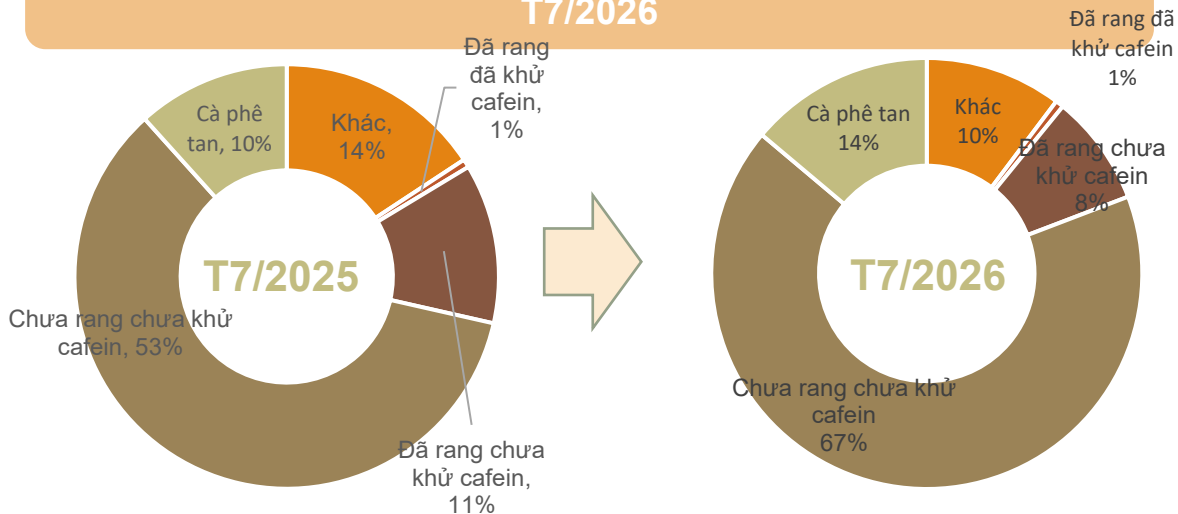
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



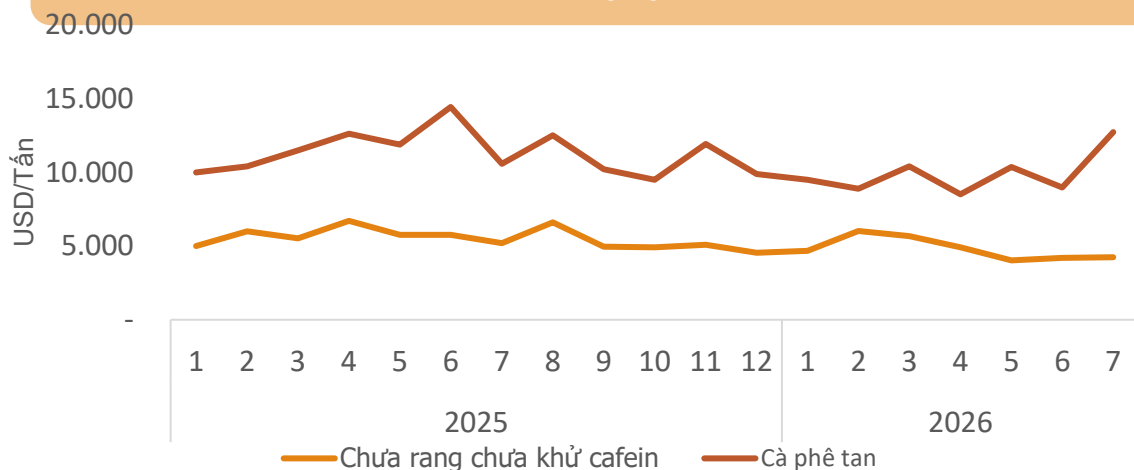


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Nguồn: Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Chưa rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **10,4** Triệu USD
Tăng **46%** so với T6/2026
Tăng **78%** so với T7/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **2,1** Triệu USD
Tăng **59%** so với T6/2026
Tăng **89%** so với T7/2025



Đã rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **1,3** Triệu USD
Giảm **8%** so với T6/2026
Tăng **9%** so với T7/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **12.727** USD/tấn, **tăng 42%** so với tháng trước, và **tăng 20%** so với cùng kỳ năm 2025.

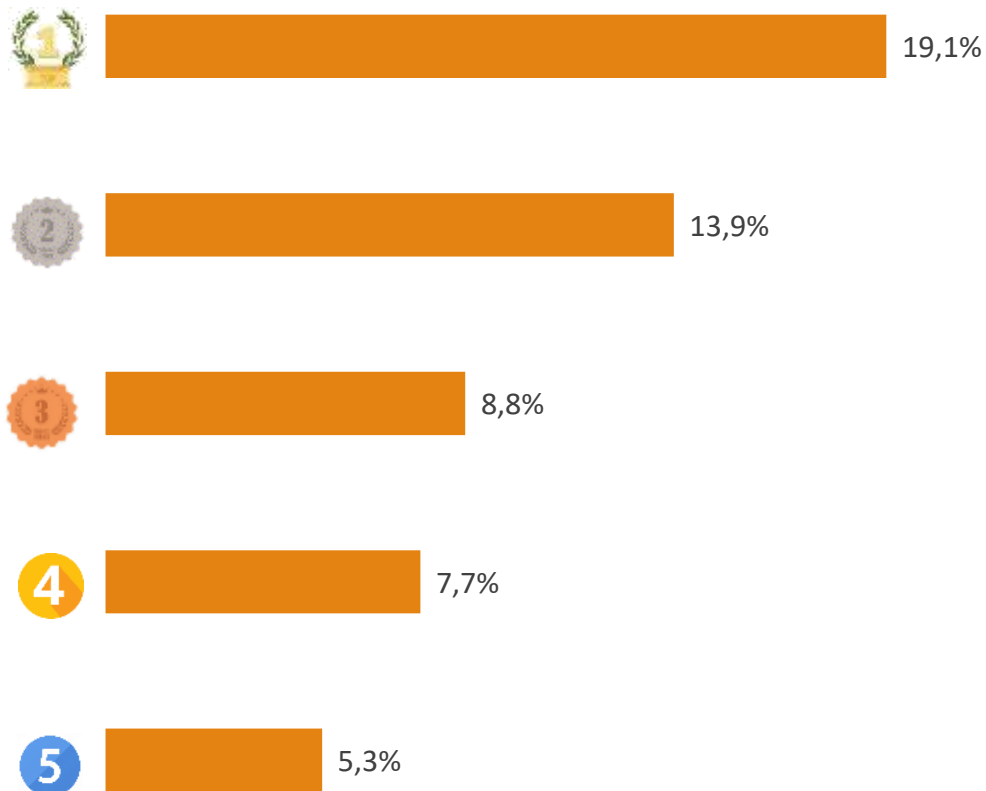
Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **4.242** USD/tấn, **tăng 1%** so với tháng trước; và **giảm 18%** so với cùng kỳ năm 2025.

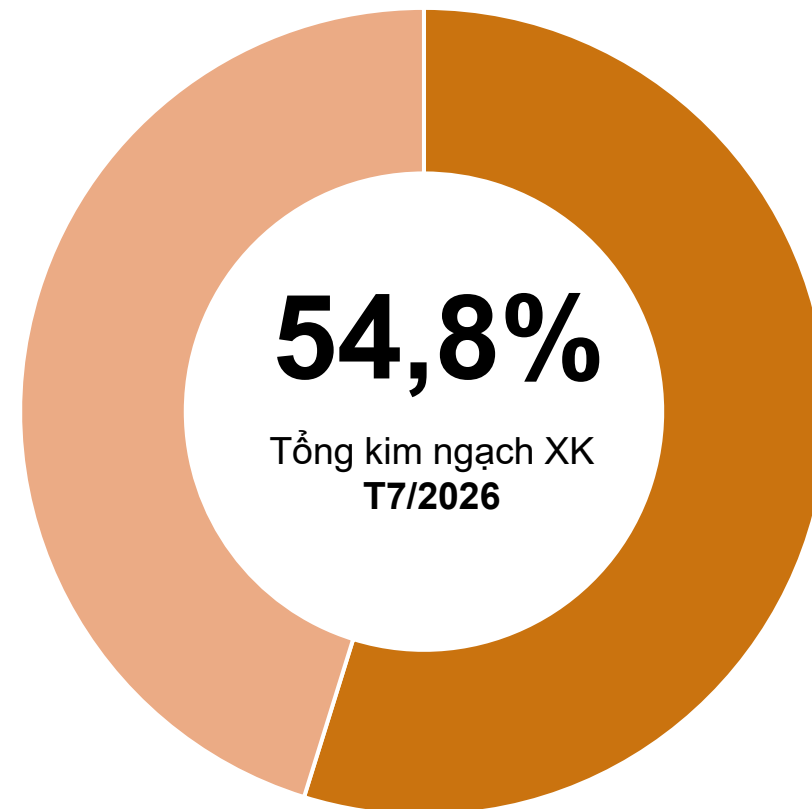


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





Sự phát triển mạnh của văn hóa cà phê và nhu cầu tiêu dùng ổn định tiếp tục hỗ trợ thị trường cà phê Hàn Quốc. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng lượng cà phê nhập khẩu của nước này giảm 14,62% so với cùng kỳ, xuống còn khoảng 1,46 triệu bao, trong đó cà phê nhân xanh chiếm khoảng 90% và cà phê rang chiếm khoảng 10%.

Tiêu thụ cà phê tại Hàn Quốc đã tăng từ 2,46 triệu bao lên 3,45 triệu bao trong thập kỷ qua, giá cà phê thế giới duy trì ở mức cao và đồng won mất hơn 6% giá trị so với USD kể từ đầu năm 2026 đã làm gia tăng đáng kể chi phí nhập khẩu.

Trước áp lực này, các doanh nghiệp có xu hướng giảm lượng mua mới và ưu tiên sử dụng lượng hàng tồn kho, qua đó giảm nhập khẩu trong ngắn hạn. Đồng thời, giá cà phê bán lẻ tại Hàn Quốc tăng trung bình 7,8% so với cùng kỳ.

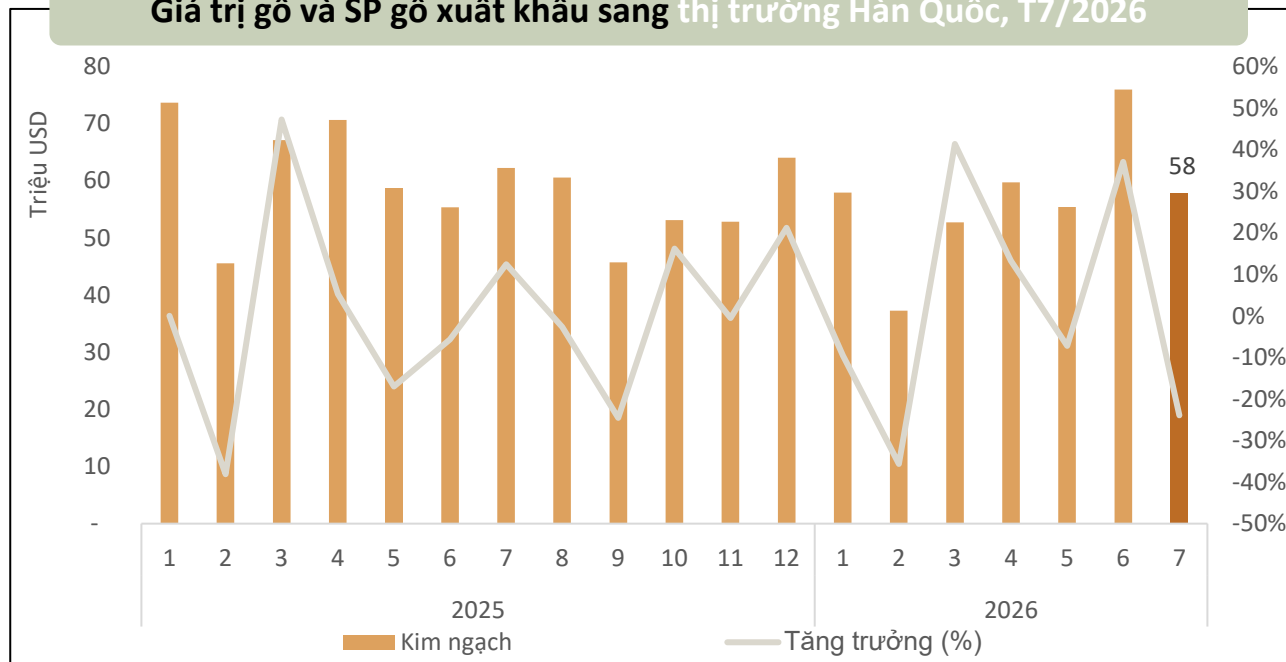
Nhìn chung, sự sụt giảm nhập khẩu hiện chủ yếu phản ánh áp lực chi phí và chiến lược quản lý tồn kho, thay vì cho thấy nhu cầu tiêu dùng cà phê tại Hàn Quốc suy yếu.





GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

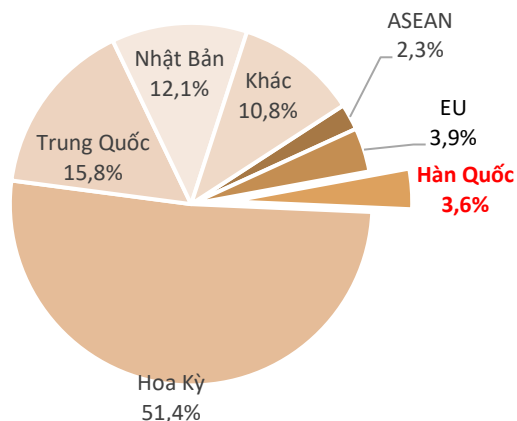


58

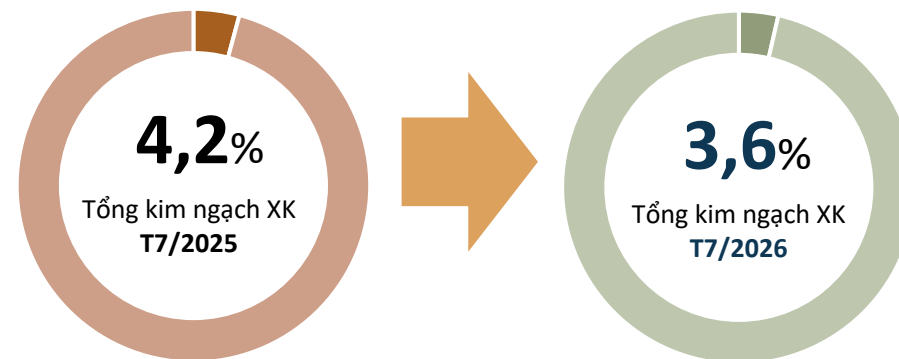
triệu USD

- ➔ Giảm **24%** so với T7/2026
- ➔ Giảm **7%** so với T7/2025
- ↓ Cao hơn **1,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026 đạt **396,9** triệu USD, đạt **56%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



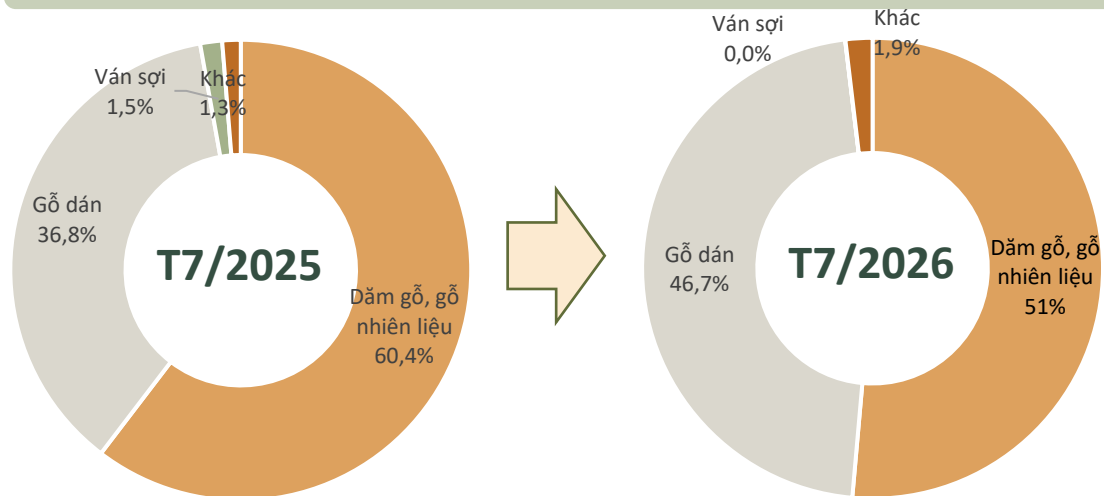
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



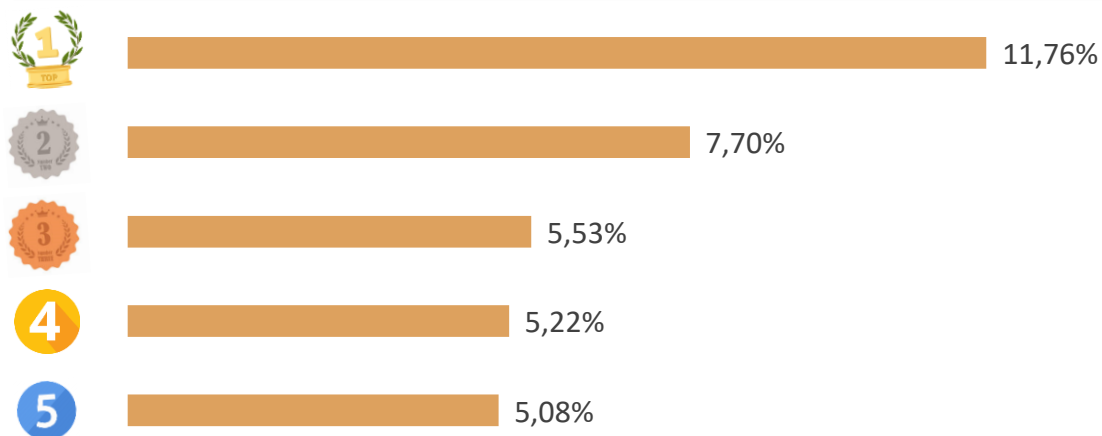


GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **15,3** triệu USD
Tăng **1%** so với T7/2026
Giảm **39%** so với T7/2025



Gỗ dán

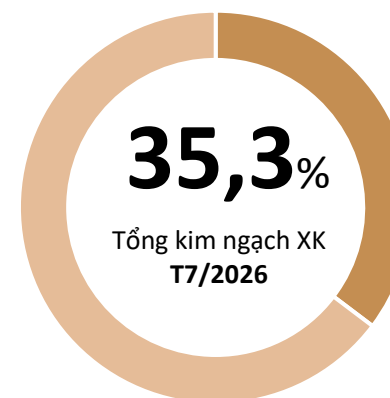
Kim ngạch: **13,9** triệu USD
Giảm **66%** so với T7/2026
Giảm **10%** so với T7/2025



Ván sợi

Kim ngạch: **5,9** nghìn USD
Giảm **99%** so với T7/2026
Giảm **99%** so với T7/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ HÀN QUỐC



Nhập khẩu gỗ của Hàn Quốc tiếp tục giảm trong nửa đầu năm 2026. Các nhóm nguyên liệu truyền thống như gỗ tròn, gỗ xẻ và dăm gỗ đều ghi nhận xu hướng giảm. Ngược lại, nhập khẩu các loại ván nhân tạo từ Trung Quốc lại tăng mạnh, cho thấy cơ cấu nhập khẩu đang dịch chuyển từ nguyên liệu thô sang một số sản phẩm gỗ đã qua chế biến. Korea Wood Newspaper ghi nhận mức tăng đáng kể ở các nhóm PB, OSB, MDF và ván ép.

Đáng chú ý, lượng ván dăm các loại nhập khẩu từ Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm tăng từ khoảng 65.000 m³ lên 363.000 m³, tương đương mức tăng 452,2% so với cùng kỳ năm 2025. Kim ngạch nhập khẩu tăng từ 9,59 triệu USD lên 54,73 triệu USD, tăng 470,8%. Diễn biến này cho thấy trong bối cảnh tổng nhu cầu nhập khẩu gỗ của Hàn Quốc còn yếu, nguồn cung ván nhân tạo từ Trung Quốc lại gia tăng nhanh và chiếm vai trò lớn hơn trên thị trường.

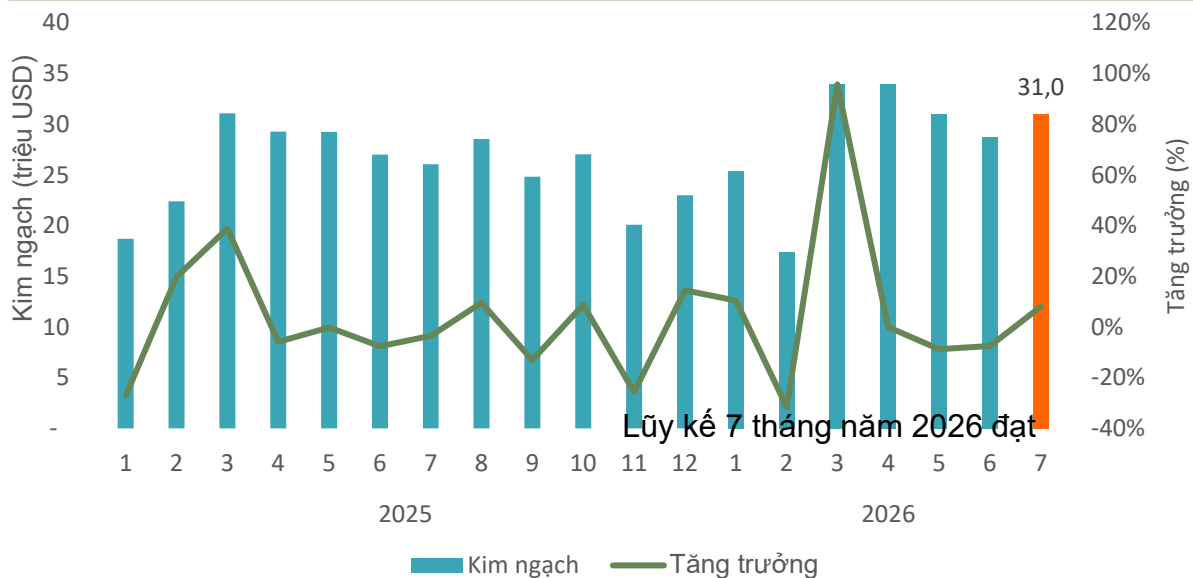




95,7%

RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH



Tăng **8%** so với T6/2026

Tăng **19%** so với T7/2025

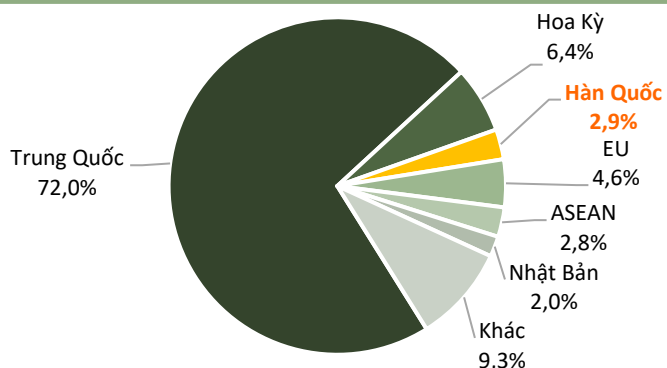
31,0

triệu USD

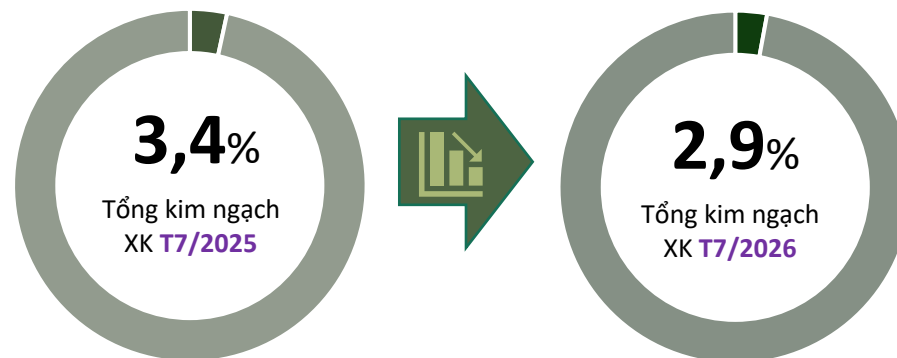
Cao hơn **5,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 7 tháng năm 2026 đạt **201,4 triệu USD**, đạt **66%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



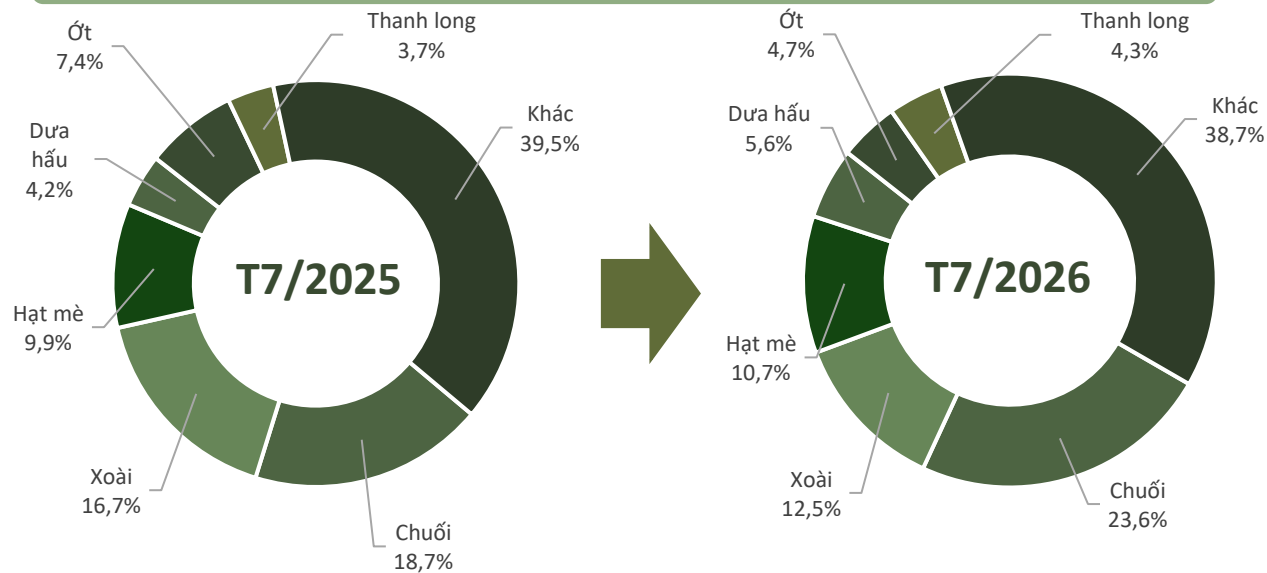
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Hạt mè

Kim ngạch: **3,3** triệu USD

Giảm **1%** so với T6/2026

Tăng **29%** so với T7/2025



Dưa hấu

Kim ngạch: **1,7** triệu USD

Tăng **27%** so với T6/2026

Tăng **58%** so với T7/2025



Ớt

Kim ngạch: **1,4** triệu USD

Giảm **40%** so với T6/2026

Giảm **24%** so với T7/2025



Chuối

Kim ngạch: **7,3** triệu USD

Tăng **4%** so với T6/2026

Tăng **50%** so với T7/2025



Xoài

Kim ngạch: **3,9** triệu USD

Tăng **1%** so với T6/2026

Giảm **11%** so với T7/2025



Thanh long

Kim ngạch: **1,3** triệu USD

Tăng **29%** so với T6/2026

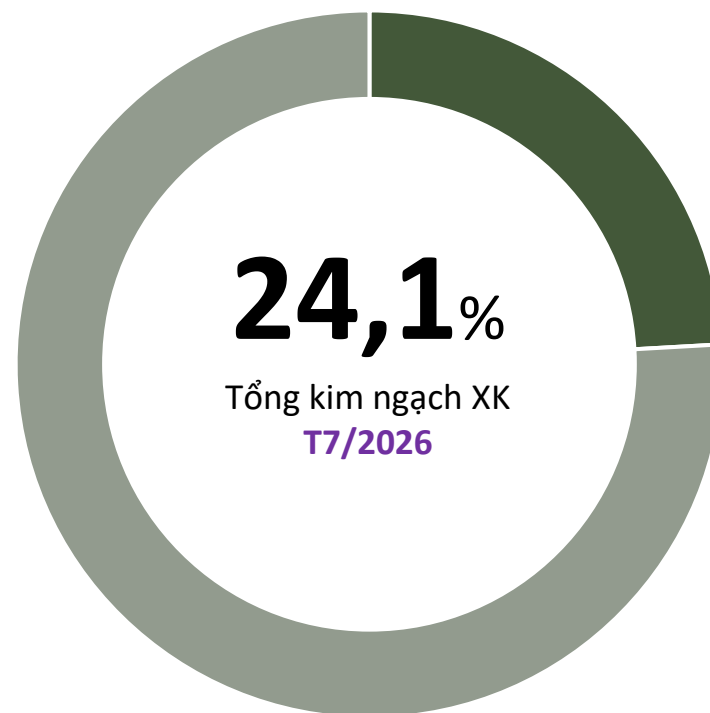
Tăng **39%** so với T7/2025



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

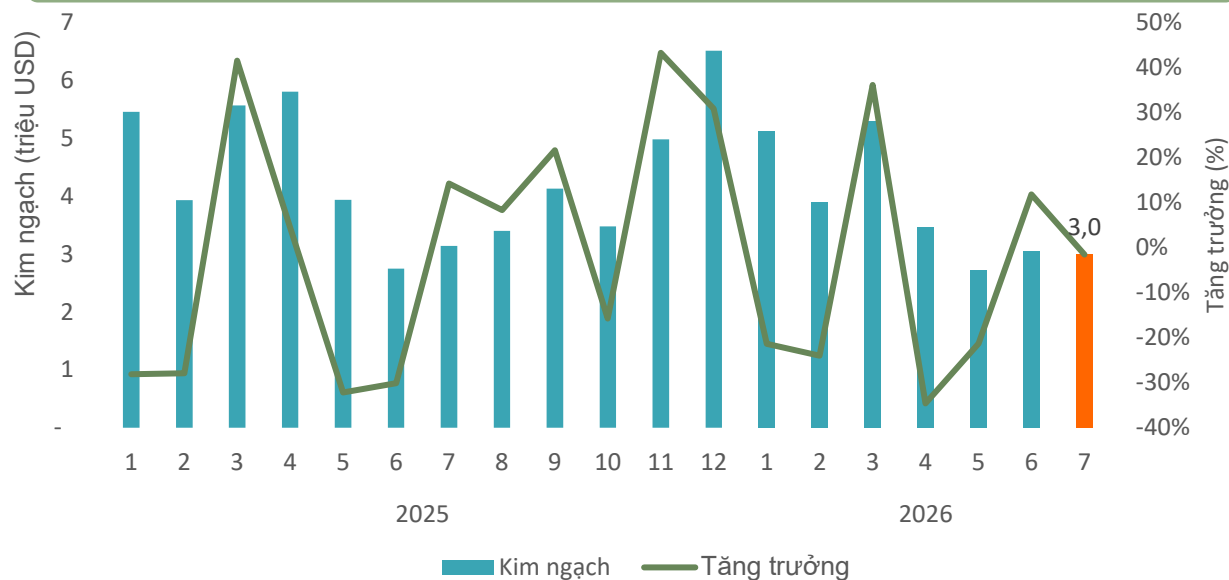
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH



2,7
triệu USD

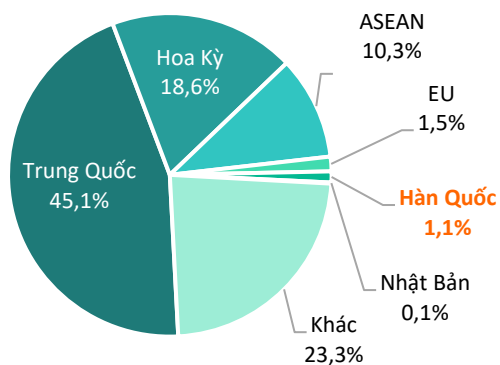
Giảm **1,6%** so với T6/2026

Giảm **4,6%** so với T7/2025

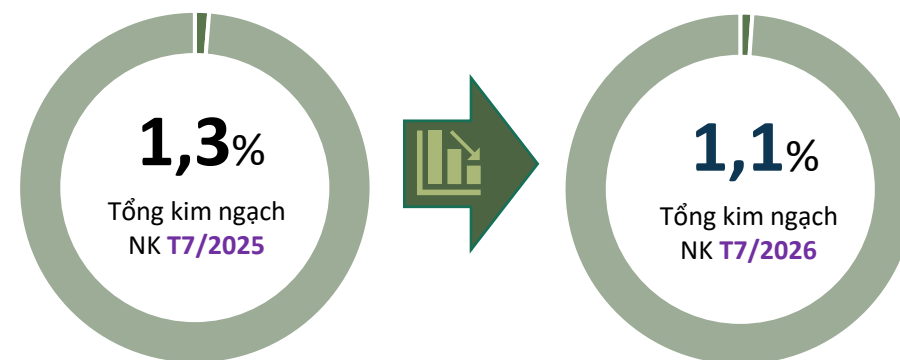
Thấp hơn **1,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 7 tháng năm 2026 đạt **26,5 triệu USD**, đạt **50,0%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, T7/2026



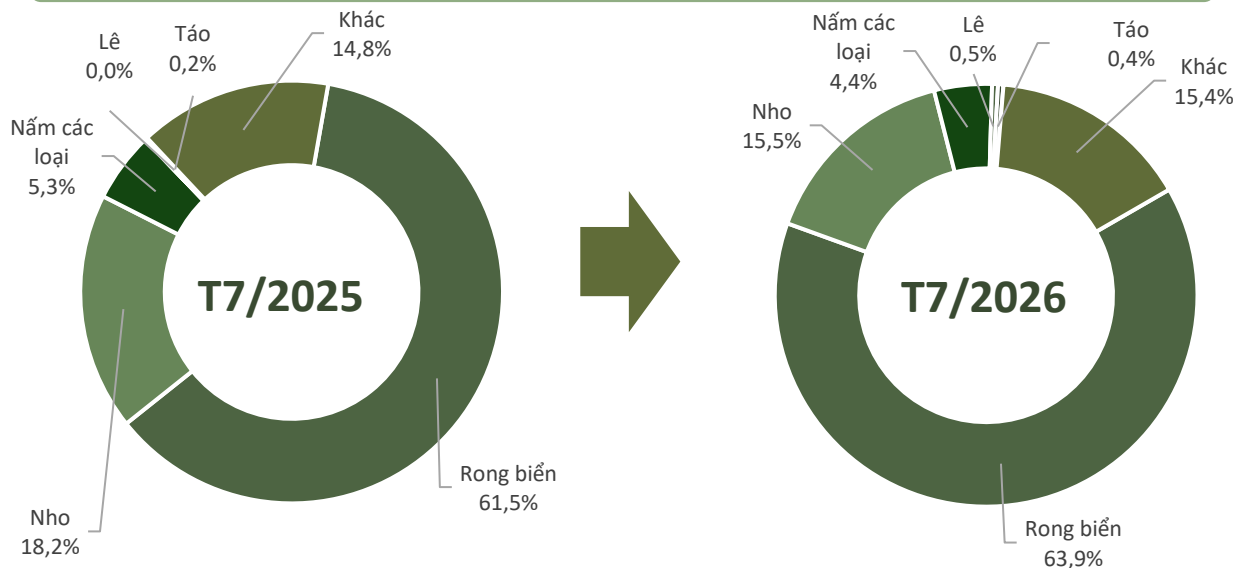
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ thị trường Hàn Quốc, T7/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Rong biển

Kim ngạch: **2,1** triệu USD

Giảm **8%** so với T6/2026

Giảm **1%** so so với T7/2025



Nho

Kim ngạch: **464,0** nghìn USD

Tăng **273%** so với T6/2026

Giảm **19%** so so với T7/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **132,2** nghìn USD

Giảm **25%** so với T6/2026

Giảm **21%** so với T7/2025



Lê

Kim ngạch: **13,6** nghìn USD

Tăng **285%** so với T6/2026

Cao gấp **48** lần so với T7/2025



Táo

Kim ngạch: **12,3** nghìn USD

Giảm **49%** so với T6/2026

Tăng **91%** so với T7/2025



Hàn Quốc thúc đẩy các giống lê xanh nhằm đa dạng hóa sản xuất

Hàn Quốc đang khuyến khích mở rộng các giống lê xanh Seolwon, Super Gold và Greensys nhằm giảm sự phụ thuộc vào giống lê Shingo truyền thống, vốn chiếm 85,4% diện tích trồng lê cả nước năm 2025. Các giống mới được đánh giá có ưu điểm về độ ngọt, khả năng bảo quản tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh.

Cơ quan Phát triển Nông thôn Hàn Quốc (RDA) sẽ phối hợp với địa phương và hệ thống phân phối để xây dựng các vùng sản xuất tập trung, trong đó dự kiến phát triển 10 ha lê Seolwon tại Ulsan vào năm 2029 và 30 ha tại Naju vào năm 2030. Chính sách này nhằm đa dạng hóa cơ cấu giống, nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng tiêu dùng lê quanh năm thay vì chỉ tập trung vào các dịp lễ.

Nguồn: Freshplaza.com



Giá rau tại Hàn Quốc hạ nhiệt nhờ nguồn cung tăng

Theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA), giá rau tại nước này gần đây đã ổn định trở lại nhờ nguồn cung tăng và điều kiện sản xuất thuận lợi. Một số mặt hàng như xà lách và các loại rau ăn lá có giá thấp hơn cùng kỳ năm trước và dưới mức trung bình nhiều năm.

Trước kỳ nghỉ Tết Trung thu Chuseok, Chính phủ Hàn Quốc tiếp tục theo dõi sát tình hình cung cầu đối với các mặt hàng nông sản thiết yếu, đồng thời chủ động bổ sung nguồn hàng và triển khai các chương trình giảm giá nhằm hạn chế nguy cơ tăng giá trong giai đoạn nhu cầu tiêu dùng cao.

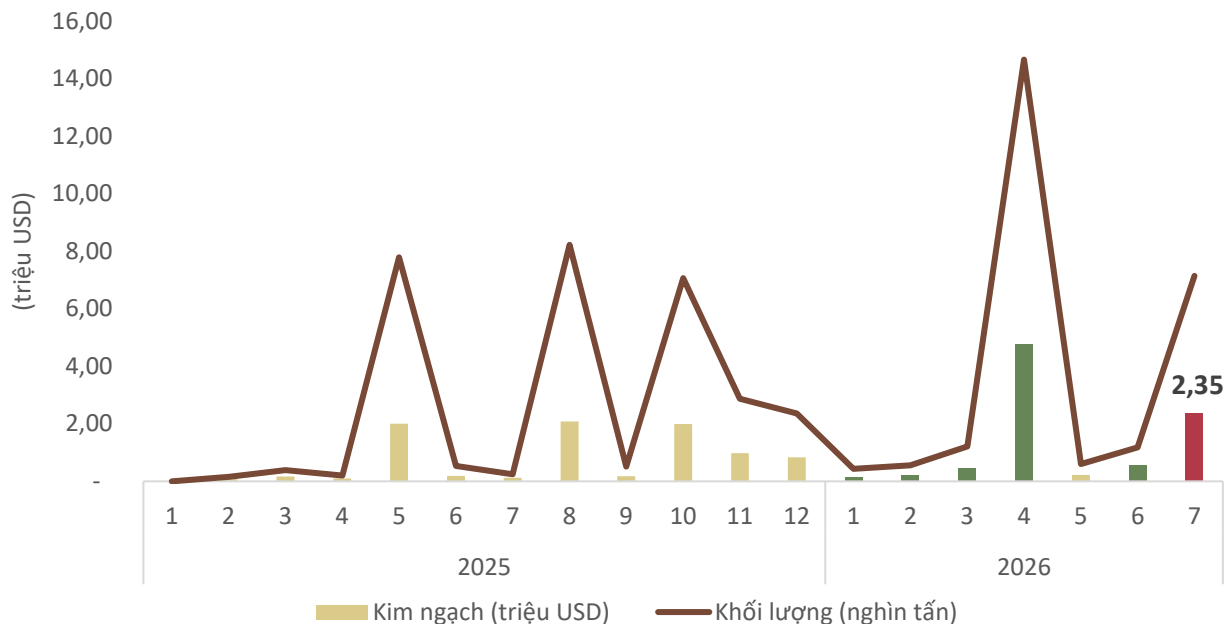
Nguồn: Freshplaza.com





SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

Khối lượng và giá trị sản và sản phẩm từ sắn XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả XK sản và sản phẩm từ sắn sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH

2,35 triệu USD

↗ Tăng **323%** so với T6/2026

↗ Cao hơn **20 lần** so với T7/2025

↑ Cao hơn **1,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

* Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **8,73 triệu USD**, đạt **100,1%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

7.135 tấn

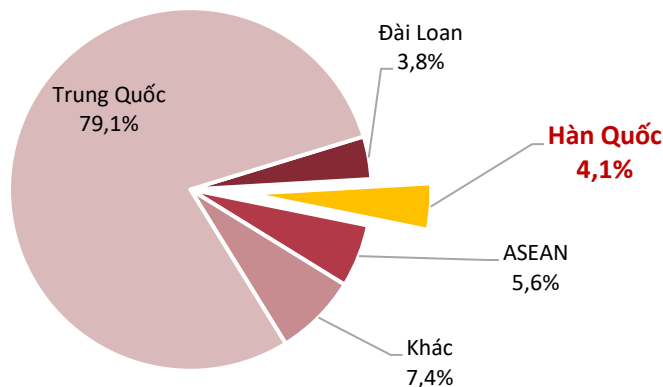
↗ Tăng **505%** so với T6/2026

↗ Cao hơn **29 lần** so với T7/2025

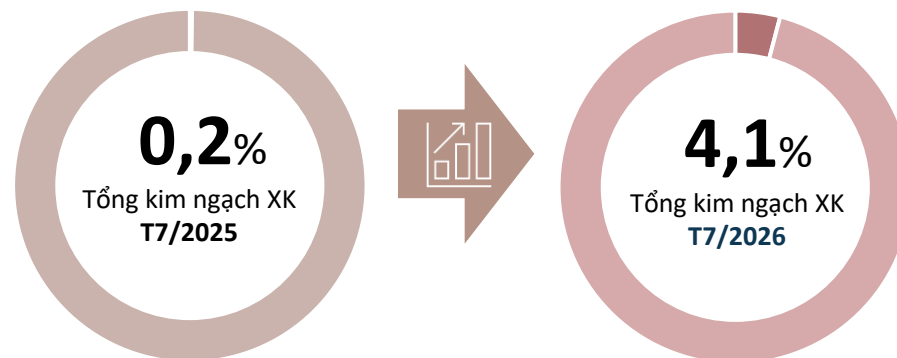
↑ Cao hơn **4,4 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

* Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **25,8 nghìn tấn**, đạt **84,9%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và sản phẩm từ sắn sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



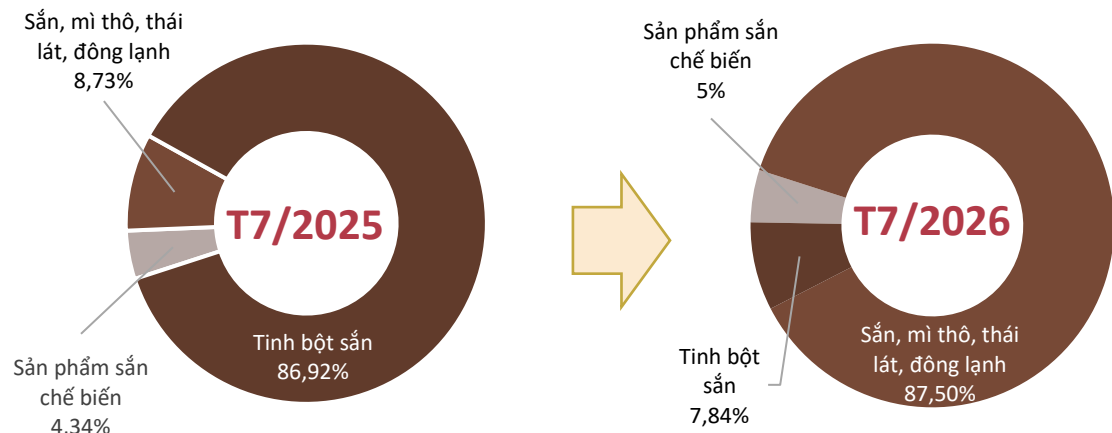
Biến động tỷ trọng giá trị sản & sản phẩm từ sắn sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



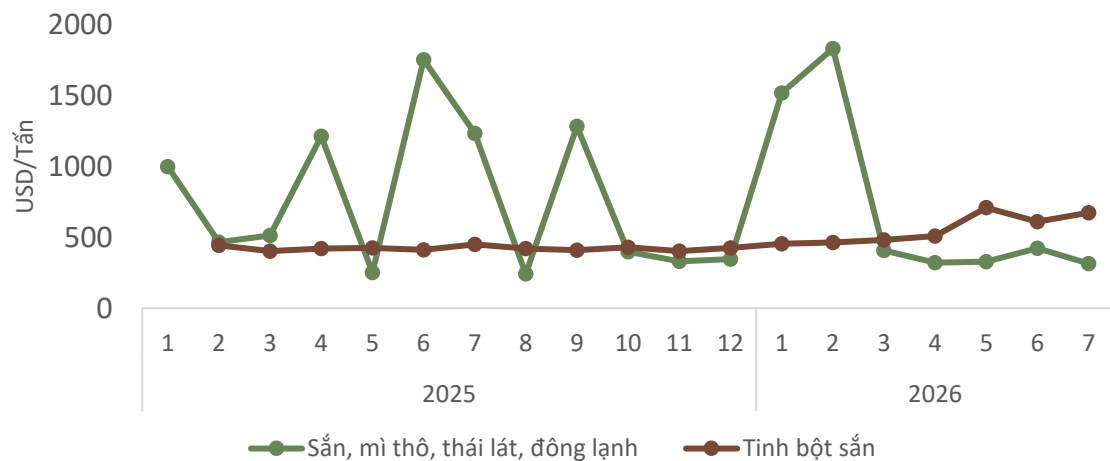


SẺ VÀ SẢN PHẨM TỪ SẺ

Cơ cấu chủng loại sủ và SP từ sủ XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Giá sủ và SP từ sủ XK bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả XK sủ và SP từ sủ sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tinh bột sủ

Kim ngạch: **184,5** nghìn USD

Giảm **30%** so với T6/2026

Tăng **78%** so với T7/2025



Sủ thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **2,1** triệu USD

Cao hơn **10,8 lần** so với T6/2026

Cao hơn **399 lần** so với T7/2025

Sủ thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **315 USD/tấn**; giảm **26%** so với tháng trước; và giảm **79%** so với cùng kỳ năm 2025.

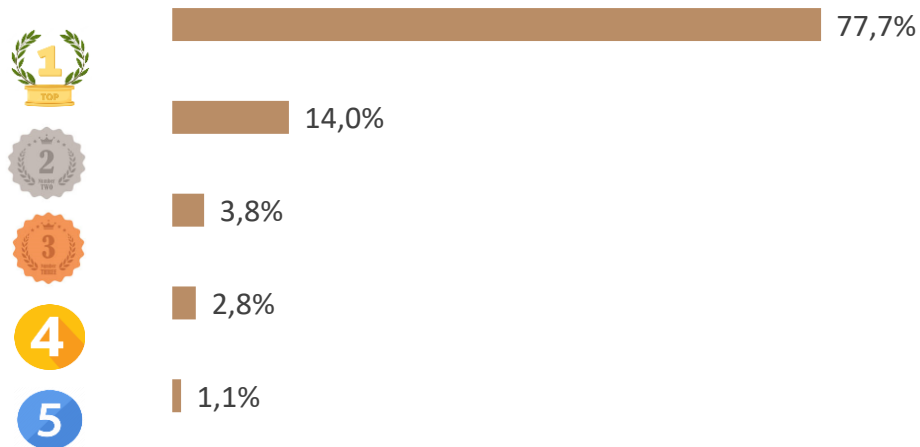
Tinh bột sủ

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **610 USD/tấn**; tăng **10%** so với tháng trước; và tăng **49%** so với cùng kỳ năm 2025.

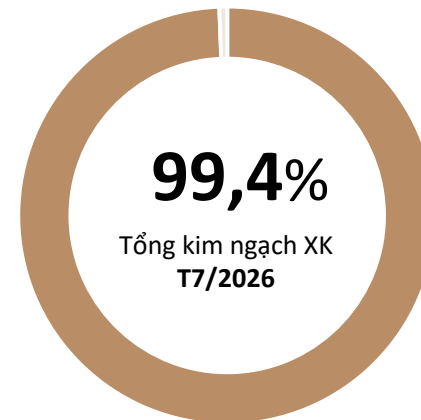


SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

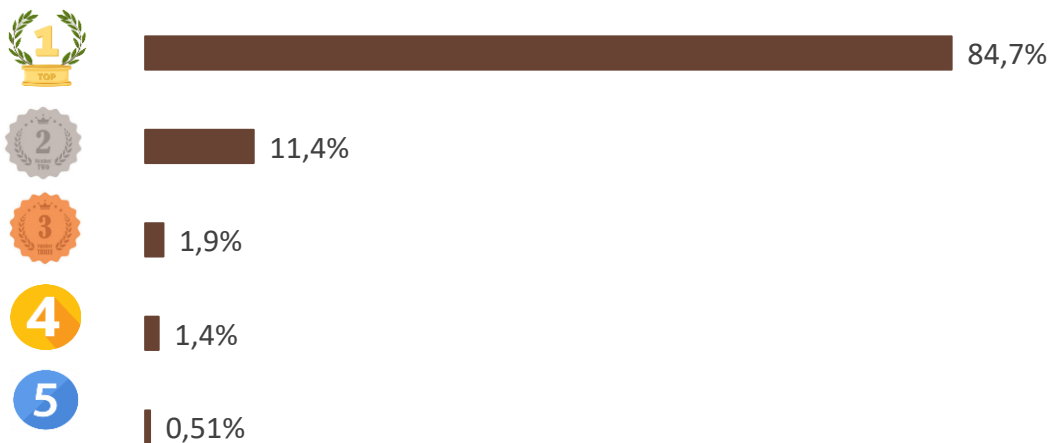
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



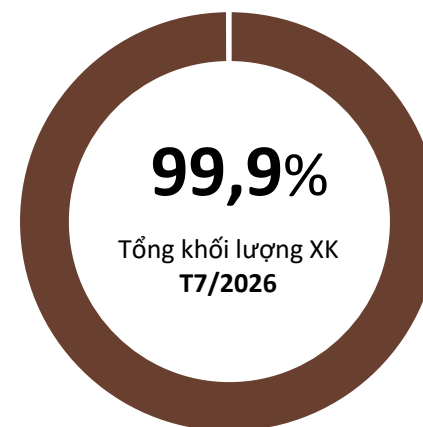
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



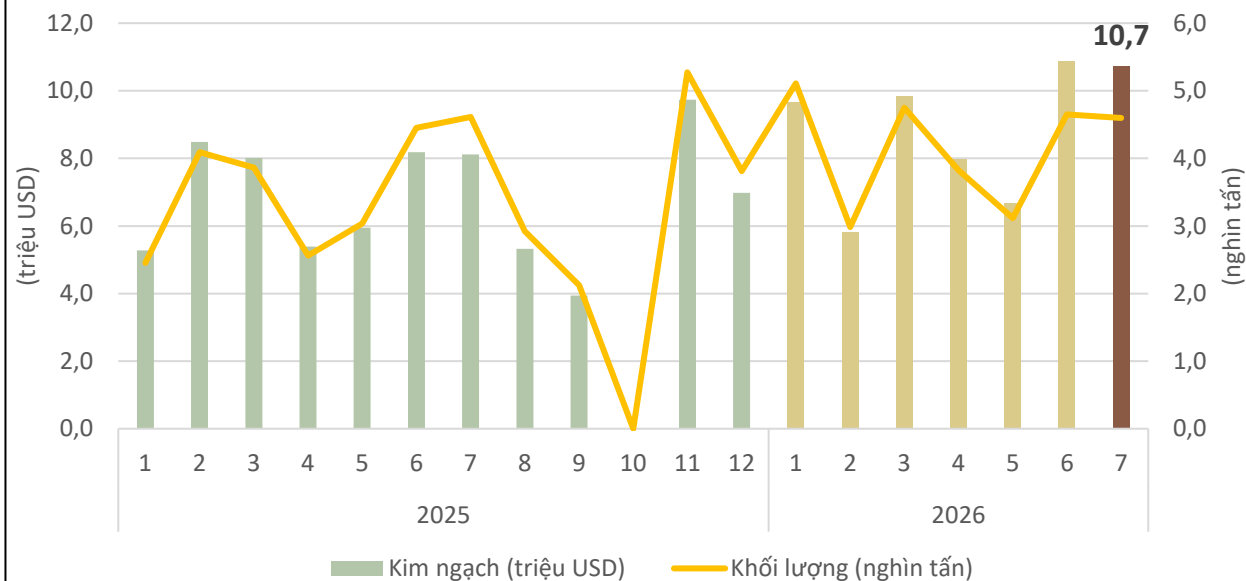
Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026

KIM NGẠCH
10,9 triệu USD \$

↘ Giảm **1%** so với T5/2026

↗ Tăng **32%** so với T7/2025

↑ Cao hơn **3,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **61,5 tr.USD**, đạt **75%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG
4,65 nghìn tấn

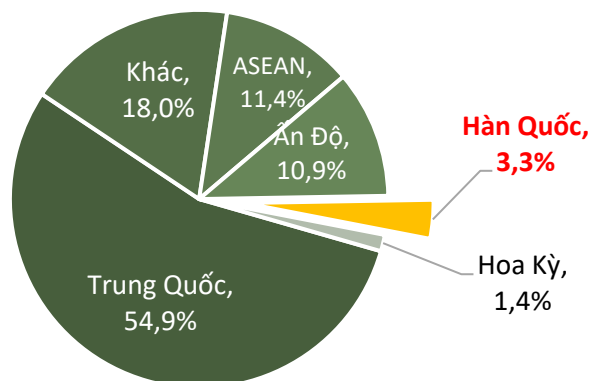
↘ Giảm **1%** so với T5/2026

↘ Giảm **0,2%** so với T7/2025

↑ Cao hơn **1,0 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 07 tháng năm 2026 đạt **29,0 nghìn tấn**, đạt **68%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị cao su của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



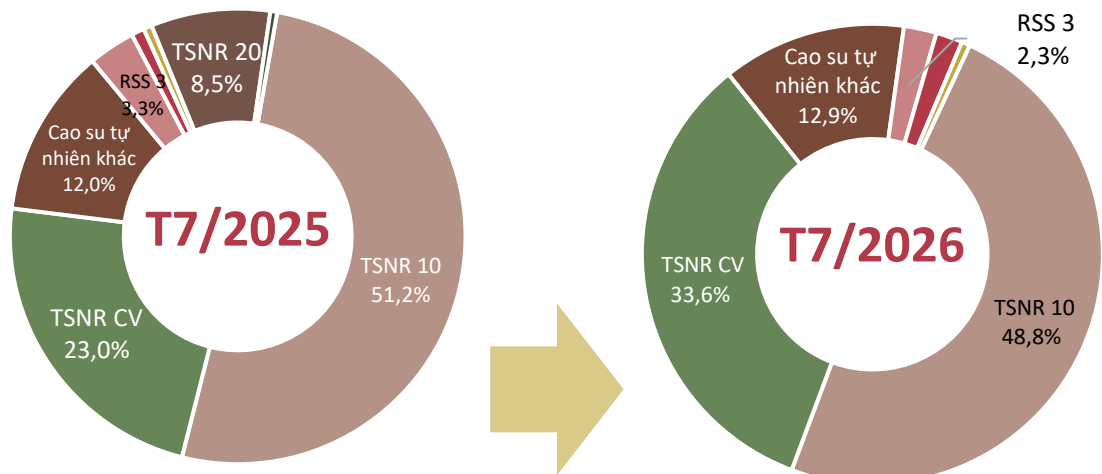
Biến động tỷ trọng giá trị cao su của VN sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



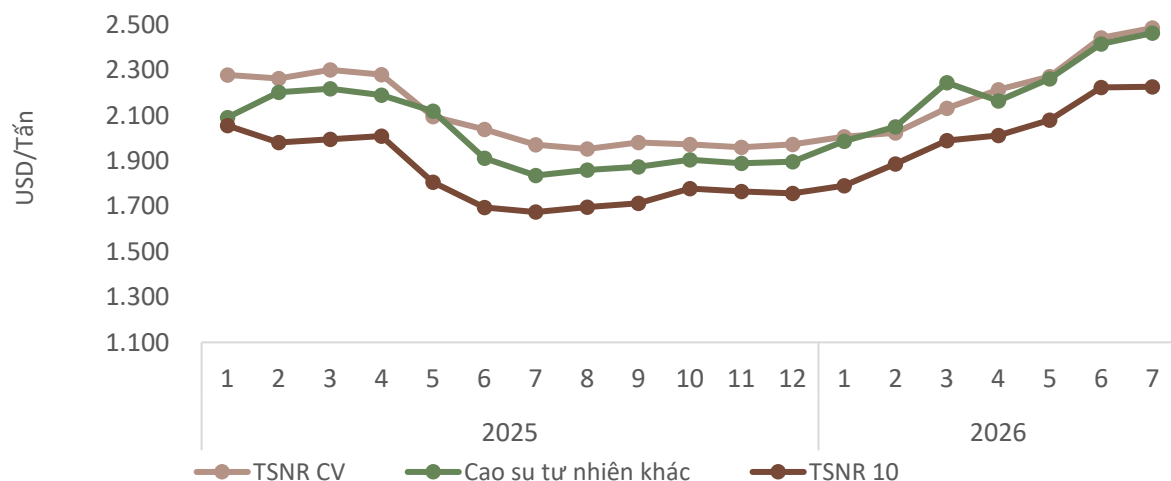


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Giá cao su Việt Nam XK bình quân sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **1,4** triệu USD

Giảm **1%** so với T5/2026

Tăng **42%** so với T7/2025



TSNR CV

Kim ngạch: **3,6** triệu USD

Giảm **11%** so với T5/2026

Tăng **93%** so với T7/2025



TSNR 10

Kim ngạch: **5,2** triệu USD

Tăng **6%** so với T5/2026

Tăng **26%** so với T7/2025

Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **2.463** USD/tấn; **tăng 2%** so với tháng trước; và **tăng 34%** so với cùng kỳ năm 2025.

TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **2.485** USD/tấn; **tăng 2%** so với tháng trước; và **tăng 26%** so với cùng kỳ năm 2025.

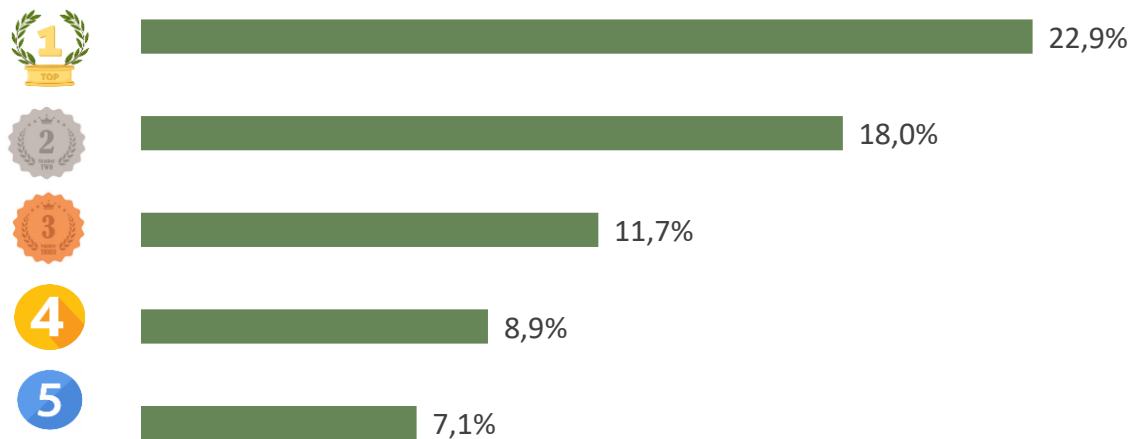
TSNR 10

Giá xuất khẩu bình quân trong T7/2026 ở mức **2.227** USD/tấn **tăng 0,1%** so với tháng trước; và **tăng 33%** so với cùng kỳ năm 2025.

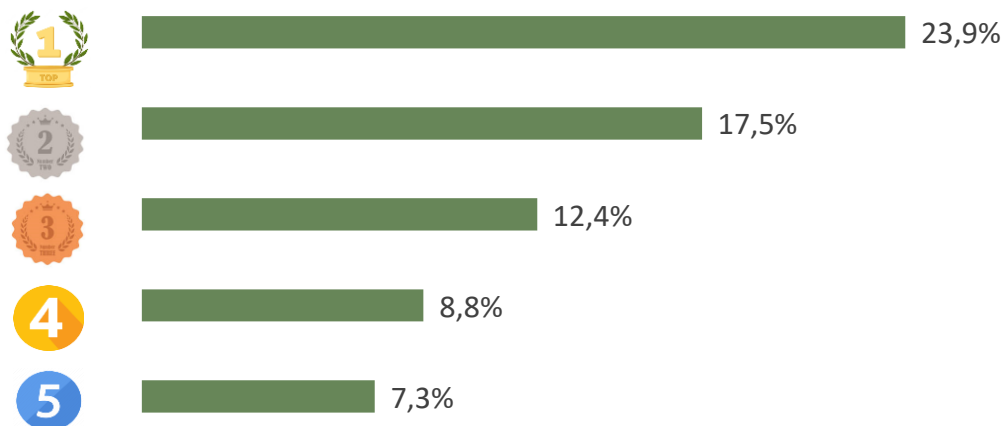


CAO SU

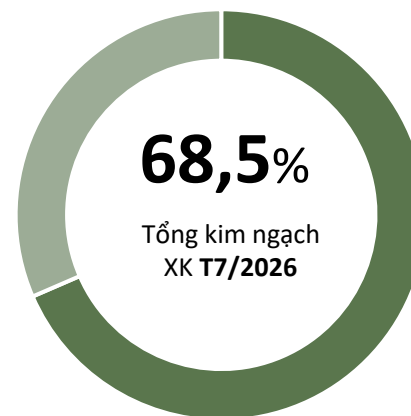
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



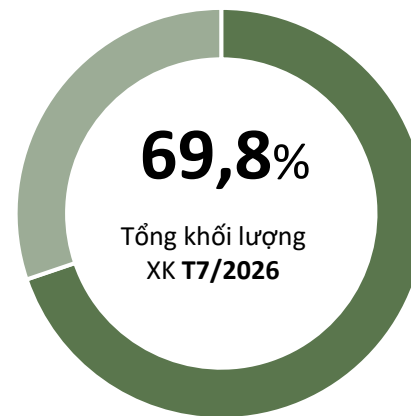
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, T7/2026





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU HÀN QUỐC



Hàn Quốc chịu áp lực chi phí do giá cao su thiên nhiên tăng

Giá cao su thiên nhiên thế giới duy trì ở mức cao trong tháng 8/2026 do nguồn cung tại Đông Nam Á suy giảm. Diễn biến này đang làm gia tăng áp lực chi phí đối với ngành lốp xe Hàn Quốc, trong đó có Hankook Tire, Kumho Tire và Nexen Tire, do cao su thiên nhiên chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí nguyên liệu.

Trong bối cảnh giá cao su có thể tiếp tục tăng trong quý III/2026, khả năng chuyển phần chi phí đầu vào tăng sang giá bán lốp xe sẽ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất lốp xe Hàn Quốc trong nửa cuối năm.

Nguồn: g-enews.com



Tin liên quan



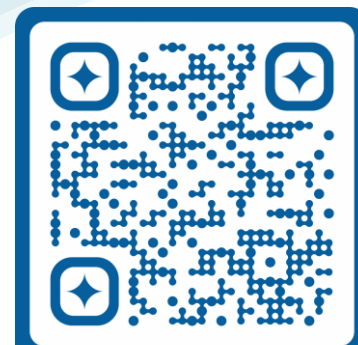
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, Hà Nội

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo